

## CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MỤC LỤC**

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 – 2
2. Báo cáo kiểm toán	3
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	4 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 21



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Cụm công nghiệp Phong Mỹ, quốc lộ 30, ấp 1, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010



Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Domenal trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty cổ phần Domenal (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo các giấy chứng nhận sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000099 ngày 06 tháng 3 năm 2008;
- Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000031 ngày 08 tháng 5 năm 2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400641835 ngày 6 tháng 3 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 4 tháng 8 năm 2010 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Thời gian hoạt động là 50 (năm mươi) năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư (ngày 08 tháng 5 năm 2008).

**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Thành viên Hội đồng quản trị**

Ông Huỳnh Trung Chánh	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Lê Hòa	Thành viên
Bà Lại Hoàng Mai	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Tô Trần Hòa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/4/2010
Ông Vũ Anh Đào	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/4/2010
Ông Nguyễn Thanh Bạch	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 4/12/2010
Ông Nguyễn Xuân Nhân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/7/2010

**3. Trụ sở**

Văn phòng công ty: số 30, đường Lê Anh Xuân, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nhà máy của Công ty đặt tại Cụm công nghiệp Phong Mỹ, quốc lộ 30, ấp 1, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

**4. Hoạt động của Công ty**

Đến tháng 4 năm 2010, Công ty kết thúc giai đoạn đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản. Từ tháng 4 năm 2010, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản; bán buôn thuốc bảo vệ thực vật.

**5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**6. Các khoản bất thường**

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.



### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

#### 7. Sự kiện phát sinh sau niên độ

Theo đề nghị số 11/ĐN-DMN ngày 14 tháng 1 năm 2011 của Tổng Giám đốc, được Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt, Công ty dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)
Trích quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận chưa phân phối	173.792.449
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10% lợi nhuận chưa phân phối	347.584.898
Chia cổ tức năm 2010	2% vốn điều lệ	2.500.000.000

#### 8. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH BDO Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

#### 9. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;

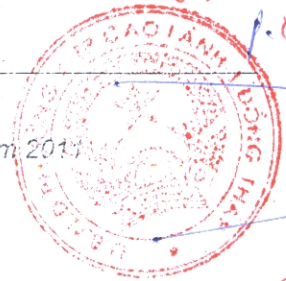
Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

#### 10. Phê chuẩn của Hội đồng quản trị

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, thuyết minh báo cáo tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Huỳnh Trung Chánh  
Chủ tịch  
Đồng Tháp, ngày 12 tháng 3 năm 2011



UBND PHƯƠNG 4-TP.CAO LẠNH-TỈNH ĐỒNG THÁP  
CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực:.....26A6.....Quyển.....T.....  
Ngày: 18 tháng 04 năm 2011

CHỦ TỊCH  
*Bùi Văn Ut*



44892  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
DOMENAL  
CHỦ TỊCH





Số: 00247.HCM/63.10

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
của Công ty cổ phần Domenal

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Domenal**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Domenal (gọi tắt là "Công ty"), được trình bày từ trang 4 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Domenal, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**UBND PHƯƠNG 4-TP.CAO LẠNH-TỈNH ĐỒNG THÁP  
CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 2647.....Quyển: 1.....

Ngày: 18 tháng 04 năm 2011.....

**P. CHỦ TỊCH**

**BUI TUYẾT VÂN**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chứng chỉ KTV số 0.0071/KTV

Công ty TNHH BDO Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2011

**NGUYỄN THÙY HOA**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Chứng chỉ KTV số C423/KTV

*Bùi Văn Ut*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢN SAO**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>134.994.793.644</b>	<b>62.587.540.390</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	863.469.100	39.134.236.157
Tiền	111		863.469.100	134.236.157
Các khoản tương đương tiền	112		-	39.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	7.575.000.000	19.595.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		7.575.000.000	19.595.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.107.207.828	1.186.571.868
Phải thu khách hàng	131	5.3	98.435.438.995	102.838.519
Trả trước cho người bán	132		38.933.800	815.818.349
Các khoản phải thu khác	135	5.4	2.632.835.033	267.915.000
Hàng tồn kho	140	5.5	21.510.092.654	188.401.754
Hàng tồn kho	141		21.510.092.654	188.401.754
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.939.024.062	2.483.330.611
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.458.676.842	227.359.015
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.316.010.193	2.225.167.596
Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	164.337.027	30.804.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>82.886.919.999</b>	<b>67.649.470.984</b>
Tài sản cố định	220		80.094.320.934	67.286.891.412
TSCĐ hữu hình	221	5.8	68.673.026.032	2.662.131.355
Nguyên giá	222		71.733.037.372	2.911.727.871
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.060.011.340)	(249.596.516)
TSCĐ vô hình	227	5.9	10.522.960.175	10.532.960.171
Nguyên giá	228		10.547.960.165	10.547.960.165
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.999.990)	(14.999.994)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	898.334.727	54.091.799.886
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.020.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258	5.11	2.020.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		772.599.065	362.579.572
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	772.599.065	362.579.572
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>217.881.713.643</b>	<b>130.237.011.374</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Cụm công nghiệp Phong Mỹ, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>89.283.142.356</b>	<b>2.827.337.084</b>
Nợ ngắn hạn	310		89.283.142.356	2.827.337.084
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	28.463.678.699	-
Phải trả người bán	312	5.14	59.709.987.395	406.903.325
Người mua trả tiền trước	313		254.497.500	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	175.718.659	2.013.971.434
Chi phí phải trả	316	5.16	488.934.436	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.17	47.665.752	17.262.411
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		142.659.915	389.199.914
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	5.18	<b>128.598.571.287</b>	<b>127.409.674.290</b>
Vốn chủ sở hữu	410		128.598.571.287	127.409.674.290
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(699.214.307)
Quỹ đầu tư phát triển	417		34.780.569	6.043.083
Quỹ dự phòng tài chính	418		574.108.028	574.108.028
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.989.682.690	2.528.737.486
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>217.881.713.643</b>	<b>130.237.011.374</b>





# CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Cửa công nghiệp Phong Mỹ, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		-	-
Ngoại tệ các loại	5.1		
- USD		1.280,61	2.773,35
- EUR		619,06	619,06

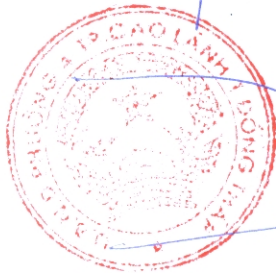
PHẠM THỊ HIỀN  
KẾ TOÁN TRƯỞNG



TÔ TRẦN HÒA  
TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỒNG THÁP, NGÀY 12 THÁNG 3 NĂM 2011

UBND PHƯƠNG 4-TP.CAO LẠNH-TỈNH ĐỒNG THÁP  
CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực:.....2618.....Quyển.....I.....  
Ngày: 18 tháng 04 năm 2011.



*Bùi Văn Út*



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

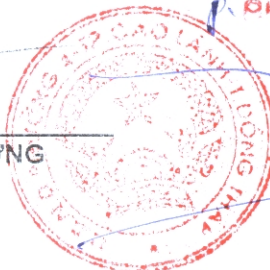
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢN SAO**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		179.813.916.706	190.565.620
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		70.151.955	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>179.743.764.751</b>	<b>190.565.620</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	170.235.616.270	168.373.982
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>20</b>		<b>9.508.148.481</b>	<b>22.191.638</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.167.982.796	7.858.415.192
Chi phí tài chính	22	6.4	1.711.930.183	-
- Trong đó: lãi vay phải trả	23		1.427.286.934	-
Chi phí bán hàng	24	6.5	1.775.380.135	212.682.144
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	4.754.154.108	2.331.271.580
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3.434.666.851</b>	<b>5.336.653.106</b>
Thu nhập khác	31		10.000.000	19.012.019
Chi phí khác	32		-	11.634.748
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>10.000.000</b>	<b>7.377.271</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>3.444.666.851</b>	<b>5.344.030.377</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	178.984.161	2.201.899.649
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>3.265.682.690</b>	<b>3.142.130.728</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	7.2	261	251

UBND PHƯƠNG 4-TP.CAO LẠNH-TỈNH ĐỒNG THÁP  
 CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
 Số chứng thực: 2649 Quyền 1  
 Ngày: 18 tháng 04 năm 2011

PHẠM THỊ HIỀN  
 KẾ TOÁN TRƯỞNG



TÔ TRẦN HÒA  
 TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỒNG THÁP, NGÀY 12 THÁNG 3 NĂM 2011

*Bà Văn Út*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢN SAO**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>I- Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	3.444.666.851	5.344.030.377
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.820.414.820	190.650.683
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	5.753.125	(15.284.602)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.164.573.578)	(7.887.102.192)
- Chi phí lãi vay	06	1.427.286.934	-
Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi vốn lưu động	08	5.533.548.152	(2.367.705.734)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(100.145.011.584)	(3.050.957.917)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(21.321.690.900)	(188.401.754)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	57.110.148.658	(1.442.294.835)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(1.169.209.453)	(363.439.364)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.336.540.474)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.020.816.771)	(639.138.665)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	24.891.500	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(522.539.999)	(445.104.114)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(63.847.220.871)</b>	<b>(8.497.042.383)</b>
<b>II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(12.551.798.463)	(53.167.467.160)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	23.905.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.164.573.578	7.887.102.192
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(387.224.885)</b>	<b>(21.375.364.968)</b>
<b>III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	61.892.710.466	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(33.429.031.767)	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.500.000.000)	(7.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>25.963.678.699</b>	<b>(7.500.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(38.270.767.057)</b>	<b>(37.372.407.351)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	39.134.236.157	10.102.886.646
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	345.307.786
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>863.469.100</b>	<b>39.134.236.157</b>

UBND PHƯỜNG 4-TP.CAO LẠNH-TỈNH ĐỒNG THÁP  
CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2680 Quyển T

Ngày: 18 tháng 04 năm 2011

CHỦ TỊCH

PHẠM THỊ HIỀN  
KẾ TOÁN TRƯỞNG

TÔ TRẦN HÒA  
TỔNG GIÁM ĐỐC

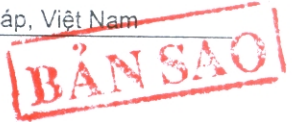
ĐỒNG THÁP, NGÀY 12 THÁNG 3 NĂM 2011

*Bài Văn Ut*



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010



Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty cổ phần Domenal (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo các giấy chứng nhận sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000099 ngày 06 tháng 3 năm 2008;
- Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000031 ngày 08 tháng 5 năm 2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400641835 ngày 6 tháng 3 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 4 tháng 8 năm 2010 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Hoạt động của Công ty trong năm 2010: đến tháng 4 năm 2010, Công ty kết thúc giai đoạn đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản. Từ tháng 4 năm 2010, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản; bán buôn thuốc bảo vệ thực vật.

Thời gian hoạt động là 50 (năm mươi) năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư (ngày 08 tháng 5 năm 2008).

Văn phòng công ty đặt tại số 30, đường Lê Anh Xuân, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nhà máy của Công ty đặt tại Cụm công nghiệp Phong Mỹ, quốc lộ 30, ấp 1, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Tổng số cán bộ nhân viên Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 130 người, ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 27 người.

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập theo các nguyên tắc kế toán và luật định của Việt Nam có thể có một số khác biệt ở một số phương diện trọng yếu so với các Chuẩn mực kế toán Quốc tế cũng như các Nguyên tắc kế toán được thừa nhận rộng rãi ở quốc gia của người đọc báo cáo. Do đó, Báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các khu vực nằm ngoài phạm vi Việt Nam.

#### **3.2 Sử dụng các ước tính kế toán**

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

#### **3.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

#### 4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài VND được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng (tỷ giá 18.932 VND/USD), nếu gốc ngoại tệ không được Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố thì qui đổi theo tỷ giá của Ngân hàng Ngoại Thương tỉnh Đồng Tháp công bố tại ngày này (tỷ giá 27.838 VND/EUR). Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

#### 4.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### 4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị của hàng tồn kho được phản ánh theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc thành phẩm bao gồm giá nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Thành phẩm và sản phẩm dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo sản lượng thành phẩm sản xuất trong kỳ.

#### 4.3. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

00428  
CÔNG  
THIỆM  
BDO  
TTN/  
TR5

1/1/2011



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	8 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 4 năm
Phần mềm kế toán	3 năm

#### 4.4. Xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

#### 4.5. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

#### 4.5 Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua và người mua đã chấp nhận thanh toán. Doanh thu sẽ không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan đến khả năng hàng bán bị trả lại.

#### 4.6. Doanh thu tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay được ghi nhận khi thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó đã thu được tiền hay chưa.

#### 4.7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm.

#### 4.8. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án nhà máy thủy sản là 15% trong 12 năm và được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2010) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo. Từ tháng 4 năm 2010, doanh nghiệp kết thúc giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản và bắt đầu đi vào sản xuất kinh doanh.

**4.9. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt tại quỹ - VND	277.236.448	1.087.007
Tiền gửi ngân hàng	586.232.652	133.149.150
VND	546.808.454	65.208.700
USD	22.732.483	51.248.735
EUR	16.691.715	16.691.715
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng -VND	-	39.000.000.000
	<b>863.469.100</b>	<b>39.134.236.157</b>

Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
USD	1.280,61	22.732.483
EUR	619,06	16.691.715

**5.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn khác**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Cho công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu	-	10.000.000.000
Domesco vay	-	-
750.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Domedic (*)	7.575.000.000	9.595.000.000
	<b>7.575.000.000</b>	<b>19.595.000.000</b>

(\*) Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 113/NQ-HĐQT-2010 ngày 30 tháng 7 năm 2010, Công ty hiện nắm giữ 950.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Domedic, Hội đồng quản trị Công ty dự kiến hoán đổi 750.000 cổ phiếu tương đương 7.575.000.000 VND để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, tổng nhất đầu tư dài hạn 200.000 cổ phần tương đương 2.020.000.000 VND.

**5.3. Phải thu khách hàng**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Bên liên quan	-	-
Bên thứ ba	98.435.438.995	102.838.519
	<b>98.435.438.995</b>	<b>102.838.519</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**5.4. Phải thu khác**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Lãi tiền gửi dự thu	-	267.915.000
Hóa đơn chưa về	2.629.674.976	-
Khác	3.160.057	-
	<u><b>2.632.835.033</b></u>	<u><b>267.915.000</b></u>

**5.5. Hàng tồn kho**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Hàng đang đi đường	154.000.000	-
Nguyên vật liệu	10.852.556.220	-
Công cụ, dụng cụ	2.495.477.065	-
Chi phí sản xuất dở dang	3.866.092.224	-
Thành phẩm	3.499.380.075	-
Hàng hóa	642.587.070	188.401.754
<b>Giá gốc hàng tồn kho</b>	<u><b>21.510.092.654</b></u>	<u><b>188.401.754</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<u><b>21.510.092.654</b></u>	<u><b>188.401.754</b></u>

**5.6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công cụ dụng cụ	604.849.707	62.493.469
Thiết bị văn phòng	201.081.058	28.455.993
Khác	652.746.077	136.409.553
	<u><b>1.458.676.842</b></u>	<u><b>227.359.015</b></u>

**5.7. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	88.237.027	-
Tạm ứng	76.100.000	30.804.000
	<u><b>164.337.027</b></u>	<u><b>30.804.000</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**5.8. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm	1.119.118.332	-	-	1.562.008.569	230.600.970	2.911.727.871			
Mua trong năm	-	1.939.386.940	445.217.600	77.401.309	2.462.005.849				
Chuyển từ XDCB sang	56.765.417.652	9.593.886.000	-	-	66.359.303.652				
Số dư cuối năm	57.884.535.984	11.533.272.940	2.007.226.169	308.002.279	71.733.037.372				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>									
Số dư đầu năm	22.382.364		142.410.729	84.803.423	249.596.516				
Khấu hao	1.772.101.686	673.437.610	273.822.999	91.052.529	2.810.414.824				
Số dư cuối năm	1.794.484.050	673.437.610	416.233.728	175.855.952	3.060.011.340				
<b>Giá trị còn lại</b>									
Tại ngày 1/1/2010	1.096.735.968	-	1.419.597.840	145.797.547	2.662.131.355				
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>56.090.051.934</b>	<b>10.859.835.330</b>	<b>1.590.992.441</b>	<b>132.146.327</b>	<b>68.673.026.032</b>				
Giá trị còn lại của tài sản được cầm cố, thế chấp	56.090.051.934	-	-	-	56.090.051.934				



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**5.9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	10.517.960.165	30.000.000	10.547.960.165
- Mua trong kỳ	-		
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>10.517.960.165</u>	<u>30.000.000</u>	<u>10.547.960.165</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư đầu năm	-	14.999.994	14.999.994
- Khấu hao trong kỳ	-	9.999.996	9.999.996
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>-</u>	<u>24.999.990</u>	<u>24.999.990</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 1/1/2010	10.517.960.165	15.000.006	10.532.960.171
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<u>10.517.960.165</u>	<u>5.000.010</u>	<u>10.522.960.175</u>
Giá trị còn lại của tài sản được cầm cố, thế chấp	10.517.960.165	-	10.517.960.165



**5.10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản	35.773.011	35.105.041.861
Công trình phụ nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản	-	7.842.158.714
Công trình khác	862.561.999	1.550.713.311
Mua sắm máy móc thiết bị	-	9.593.886.000
	<u>898.334.727</u>	<u>54.091.799.886</u>

**5.11. Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
200.000 cổ phần Domedic (*)	<u>2.020.000.000</u>	<u>-</u>

(\*) Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 113/NQ-HĐQT-2010 ngày 30 tháng 7 năm 2010, thống nhất đầu tư dài hạn 200.000 cổ phần Domedic tương đương 2.020.000.000 VND.

**5.12. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Bảo hiểm	12.750.000	3.330.332
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	151.177.083
Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn XD CB	472.127.867	-
Chi phí chờ phân bổ khác	287.721.198	208.072.157
	<u>772.599.065</u>	<u>362.579.572</u>

**5.13. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn (i)	27.328.520.200	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (ii)	1.135.158.499	-
	<u>28.463.678.699</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)**

- (i) Đây là khoản vay ngân hàng Chi Nhánh Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 110/2010/NHNT.ĐT ngày 6 tháng 8 năm 2010 với mục đích bổ sung vốn lưu động; hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND; thời gian duy trì hạn mức trên là 12 tháng; thời hạn vay tối đa cho mỗi lần giải ngân là 4 tháng; lãi suất vay hiện hành là 16,2%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất số W409624 và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.
- (ii) Đây là khoản vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng Chi Nhánh Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 37/2010/NHNT.ĐT ngày 6 tháng 8 năm 2010 cho dự án Nhà Máy Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản; hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 VND; thời gian duy trì hạn mức trên là 5 năm kể từ lần rút vốn đầu tiên (năm 2010); lãi suất vay hiện hành là 17,2%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất số W409624 và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

**5.14. Phải trả người bán**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Bên liên quan	53.550.000	-
Bên thứ ba	59.656.437.395	406.903.325
	<u>59.709.987.395</u>	<u>406.903.325</u>

**5.15. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	167.869.403	2.009.702.013
Thuế thu nhập cá nhân	7.849.256	4.269.421
Thuế khác	-	-
	<u>175.718.659</u>	<u>2.013.971.434</u>

**5.16. Chi phí phải trả**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí lãi vay phải trả	90.746.460	-
Chi phí điện	309.469.203	-
Chi phí khác	88.718.773	-
	<u>488.934.436</u>	<u>-</u>

**5.17. Phải trả khác**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Kinh phí công đoàn	8.560.252	2.653.500
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	39.105.500	14.214.000
Thuế thu nhập cá nhân trích thừa	-	394.911
	<u>47.665.752</u>	<u>17.262.411</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**5.18. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư ngày 1/1/2009	125.000.000.000	(683.929.705)	6.043.083	417.002.393	7.476.818.028	132.215.933.799	
Trích quỹ	-	-	-	157.105.635	(157.105.635)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(157.105.635)	(157.105.635)	
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)	
Chênh lệch tỷ giá (*)	-	(15.284.602)	-	-	-	(15.284.602)	
Chia cổ tức 2008	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)	
Lãi sau thuế năm 2009	-	-	-	-	3.142.130.728	3.142.130.728	
<b>Số dư ngày 31/12/2009</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>(699.214.307)</b>	<b>6.043.083</b>	<b>574.108.028</b>	<b>2.528.737.486</b>	<b>127.409.674.290</b>	
Số dư ngày 1/1/2010	125.000.000.000	(699.214.307)	6.043.083	574.108.028	2.528.737.486	127.409.674.290	
Trích quỹ	-	-	28.737.486	-	(28.737.486)	-	
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)	
Chênh lệch tỷ giá	-	699.214.307	-	-	-	699.214.307	
Chia cổ tức 2009	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)	
Lãi sau thuế năm 2010	-	-	-	-	3.265.682.690	3.265.682.690	
<b>Số dư ngày 31/12/2010</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>34.780.569</b>	<b>574.108.028</b>	<b>2.989.682.690</b>	<b>128.598.571.287</b>	

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400641835 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 4 tháng 8 năm 2010 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 VND, được chia thành 12.500.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, các cổ đông đã góp đủ vốn.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cá nhân trong nước	72.200.000.000	72.200.000.000
Tổ chức trong nước	52.800.000.000	52.800.000.000
	<b>125.000.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn góp đầu kỳ	125.000.000.000	125.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	<b>125.000.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>

d) Phân phối cổ tức	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Cổ tức đã chia	<b>2.500.000.000</b>	<b>7.500.000.000</b>

Trong năm 2010, Công ty đã chia cổ tức cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 2% ( tương đương 2.500.000.000 VND).

Cổ tức cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ được đề xuất trong Đại hội cổ đông của Công ty tổ chức trong năm 2011.

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

Theo điều lệ, Hội đồng quản trị quyết định trích từ nguồn lợi nhuận để lập quỹ dự trữ và các quỹ khác mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp. Theo đó, quỹ dự phòng tài chính được trích tối thiểu 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ Công ty, quỹ đầu tư phát triển tối đa là 20%, quỹ khen thưởng phúc lợi tối đa là 10%.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.644.678.486	190.565.620
Doanh thu bán thành phẩm	178.169.238.220	-
<b>Doanh thu</b>	<b>179.813.916.706</b>	<b>190.565.620</b>
Chiết khấu thương mại	(4.188.000)	-
Hàng bán bị trả lại	(65.963.955)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>179.743.764.751</b>	<b>190.565.620</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	1.493.151.906	168.373.982
Giá vốn thành phẩm	168.742.464.364	-
	<b>170.235.616.270</b>	<b>168.373.982</b>

300  
 CÔNG  
 NIÊN  
 BDI  
 TN  
 HO



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.368.742.911	5.457.889.188
Lãi cho công ty Cổ Phần Xuất Nhập khẩu Domesco vay	764.480.667	2.243.369.004
Lãi cho cá nhân vay	-	128.470.000
Cổ tức	31.350.000	-
Khác	3.409.218	28.687.000
	<b>2.167.982.796</b>	<b>7.858.415.192</b>

**6.4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	1.427.286.934	-
Chênh lệch tỷ giá	212.309.069	-
Khác	72.334.180	-
	<b>1.711.930.183</b>	<b>-</b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên	758.995.669	175.794.166
Dụng cụ đồ dùng văn phòng	25.075.590	11.898.994
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	914.317.440	-
Các chi phí khác	76.991.436	24.988.984
	<b>1.775.380.135</b>	<b>212.682.144</b>

**6.6. Chi phí quản lý**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên	1.415.767.093	1.132.936.862
Dụng cụ đồ dùng văn phòng	67.806.950	95.126.592
Chi phí phân bổ	1.353.793.576	477.552.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	815.911.373	190.650.683
Chi phí tiếp khách, công tác phí, chuyên chở	190.325.584	161.610.543
Chi phí thuê nhà, bảo vệ	161.345.727	153.631.365
Các chi phí khác	749.203.805	119.763.047
	<b>4.754.154.108</b>	<b>2.331.271.580</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**

	Năm 2010 VND			Năm 2009 VND
	Hoạt động của nhà máy	Hoạt động khác	Tổng cộng	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.697.380.207	747.286.644	3.565.877.608	5.344.030.377
Điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	-	-	10.000.000
- Tiền phạt	-	-	-	10.000.000
Điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	(31.350.000)	(31.350.000)	-
- Cổ tức được chia	-	(31.350.000)	(31.350.000)	-
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	2.697.380.207	715.936.644	3.534.527.608	5.354.030.377
Thuế suất	15%	25%	25%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	miễn thuế	178.984.161	178.984.161	1.338.507.594
Thuế TNDN được giảm (30%)	-	-	-	(401.552.278)
Trích bổ sung thuế TNDN năm 2008	-	-	-	1.264.944.333
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	<b>178.984.161</b>	<b>178.984.161</b>	<b>2.201.899.649</b>

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1. Các bên có liên quan**

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần XNK Y tế DOMESCO Ban Tổng giám đốc	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên liên quan như sau:

Nội dung nghiệp vụ	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
<b>Công ty Cổ phần XNK Y tế Domesco</b>		
• Cho vay tiền	-	4.351.800.000
• Lãi tiền cho vay	764.438.668	2.243.369.004
• Mua hàng	461.487.500	63.040.000
• Nhận chuyển nhượng cổ phiếu của Domedic	-	4.545.000.000
<b>Ban Tổng giám đốc</b>		
Tổng thu nhập	292.548.387	-

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu/ (phải trả) của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Nội dung giao dịch	31/12/2010 (VND)	31/12/2009 (VND)
<b>Công ty Cổ phần XNK Y tế Domesco</b>		
Cho vay	-	10.000.000.000
Phải trả mua hàng	53.550.000	-
Vốn góp	40.000.000.000	40.000.000.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 7.2. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(VND)	3.265.682.690	3.142.130.728
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	(cổ phiếu)	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(VND/cổ phiếu)	261	251

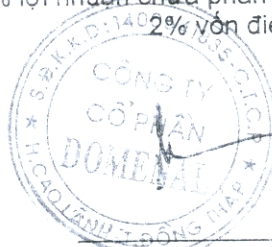
### 7.3. Sự kiện sau niên độ

Theo đề nghị số 11/ĐN-DMN ngày 14 tháng 1 năm 2011 của Tổng Giám đốc được Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt Công ty dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)
Trích quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận chưa phân phối	173.792.449
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10% lợi nhuận chưa phân phối	347.584.898
Chia cổ tức năm 2010	2% vốn điều lệ	2.500.000.000



**PHẠM THỊ HIỀN**  
Kế toán trưởng



**TÔ TRẦN HÒA**  
Tổng Giám đốc

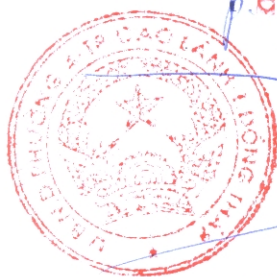
Đồng Tháp, ngày 12 tháng 3 năm 2011

**CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 26/S1/..... Quyền: T

Ngày: 10 tháng 04 năm 2011

**P. CHỦ TỊCH**



*Bùi Văn Út*